

**BIÊN BẢN**  
**Niêm yết công khai thông tin**  
**chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường**

Vào hồi .8.....giờ.00.. ngày.25.. tháng.8...năm 2023

Tại: Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh – X. Tú Sơn – H. Kiến Thụy - TP Hải Phòng

Chúng tôi gồm:

Ông: Trịnh Văn Kiên Chức vụ: Hiệu trưởng

Bà: Đỗ Thị Bình Chức vụ: Văn thư

Có sự chứng kiến của:

Bà : Nguyễn Thị Ánh Chức vụ: Chủ tịch CBĐ

Bà : Phạm Cảnh Thuần Chức vụ: TB Thanh tra ND

Ông: Phạm Văn Thịnh Chức vụ: Giáo viên

Lập biên bản về việc niêm yết công khai: **thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường**

Thời gian niêm yết: Từ ngày 25/8/2023...đến hết ngày. 25/10/2023

Biên bản được lập thành. 02...bản.

**NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM NIÊM YẾT**

*(Handwritten signature)*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

*(Handwritten signature)*  
Nguyễn Thị Ánh

*(Handwritten signature)*  
Phạm Văn Thịnh

*(Handwritten signature)*  
Phạm Cảnh Thuần

**HIỆU TRƯỞNG**



*(Handwritten signature)*  
**Trịnh Văn Kiên**

**Biểu mẫu 10***(Kèm theo thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐỨC CẢNH**

**THÔNG BÁO**

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1234</b>	<b>490</b>	<b>392</b>	<b>352</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1144 92,7%	442 90,2%	358 91,3%	344 97,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	83 6,7%	44 9,0%	31 7,9%	8 2,3%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,6%	4 0,8%	3 0,8%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1234</b>	<b>490</b>	<b>392</b>	<b>352</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	393 31,8%	118 24,1%	133 33,9%	142 40,3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	632 51,2%	238 48,6%	208 53,1%	186 52,8%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	200 16,2%	128 26,1%	48 12,2%	24 6,8%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	9 0,7%	6 1,2%	3 0,8%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1234</b>	<b>490</b>	<b>392</b>	<b>352</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1225 99,3%	484 98,8%	389 99,2%	352 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	382 31,2%	107 22,1%	133 34,2%	142 40,3%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	394 32,2%		208 53,5%	186 52,8%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	9 0,7%	6 1,2%	3 0,8%	



3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,0%	0 0,0%	0 0,0%	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	(1/2) 1/3 0,0%	1 0,2%	1 0,3%	0 0,0%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	18 1,46%	8 1,63%	8 2,04%	2 0,57%
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>				
1	Cấp tỉnh/thành phố	25	2	3	20
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	352			351
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	352			351
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập</b> (tỷ lệ so với tổng số)	90			33,7%
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập</b> (tỷ lệ so với tổng số)	50			18,7%
<b>IX</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	630/604	250/240	200/192	180/172
<b>X</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>				

Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

*Trịnh Văn Kiên*